

- kính gửi stre Chính
- Phòng QLTM

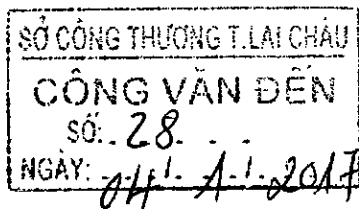
ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1902/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 30 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH



**Ban hành Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu
tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 1597/TTr-SKHĐT ngày 26/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Căn cứ nội dung Chương trình, các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, UBND các huyện biên giới chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện các nội dung liên quan phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện biên giới; Chi cục Trưởng Chi cục Hải Quan cửa khẩu Ma Lù Thàng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, TM, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



CHƯƠNG TRÌNH

Phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *1902/QĐ-UBND* ngày *30/12/2016*
của UBND tỉnh Lai Châu)

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

Triển khai thực hiện Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 16/3/2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) về phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2011-2015 đã đạt được những kết quả quan trọng, tạo tiền đề cho giai đoạn tới: Công tác quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết xây dựng các cụm công trình thiết yếu khu cửa khẩu Ma Lù Thàng được phê duyệt tạo điều kiện và định hướng phát triển; kết cấu hạ tầng thiết yếu Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng và cửa khẩu phụ U Ma Tu Khoòng từng bước được đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng đã phát huy hiệu quả đầu tư; các vùng sản xuất hàng hóa tập trung đã và đang hình thành, phát triển cả về quy mô, năng suất, chất lượng sản phẩm phục vụ cho việc xuất khẩu hàng địa phương; hoạt động thương mại, dịch vụ vận tải, ngân hàng,... phát triển; quan hệ đối ngoại được duy trì và mở rộng, quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững.

Dự báo từ nay đến năm 2020, hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh có chiều hướng phát triển, nhất là hoạt động tạm nhập, tái xuất hàng hoá. Về cơ chế chính sách được Thủ tướng Chính phủ cho phép tại Thông báo số 83/TB-VPCP ngày 11/5/2016 của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, Hiệp định thương mại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 12/9/2016 là điều kiện thuận lợi cho phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa tại Khu kinh tế cửa khẩu và hoạt động thương mại biên giới thông qua các cửa khẩu biên giới đất liền và khu (điểm) chợ biên giới.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả các mục tiêu về phát triển kinh tế cửa khẩu đến năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII: “*Xây dựng và phát triển Khu kinh tế cửa khẩu có môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, phát triển mạnh các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh*”

và dịch vụ - du lịch; làm tốt công tác đối ngoại, bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng” thì việc xây dựng Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Lai Châu trong giai đoạn 2016-2020 là cần thiết.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 16/10/2015 của Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2015-2020.

2. Kết luận số 02-KL/TU ngày 03/10/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TU ngày 16/3/2007 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XI) và định hướng phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2016-2020.

3. Nghị quyết số 67/2016/NQ-HĐND ngày 10/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020.

III. PHẠM VI CHƯƠNG TRÌNH

Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, cửa khẩu phụ U Ma Tu Khoòng và các lối mở tại 23 xã biên giới trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

IV. THỜI GIAN THỰC HIỆN: Giai đoạn 2016-2020.

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỬA KHẨU GIAI ĐOẠN 2011 - 2015

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN

1. Thuận lợi

Lai Châu có đường biên giới Việt - Trung dài 265,095km, trên tuyến có cửa khẩu song phương Ma Lù Thàng⁽¹⁾, cửa khẩu phụ U Ma Tu Khoòng và 06 lối mở⁽²⁾ trực tiếp giao lưu với thị trường rộng lớn là tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); có tiềm năng để phát triển dịch vụ - thương mại, xuất nhập khẩu và du lịch. Trong những năm qua, Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương, chính sách đầu tư phát triển kinh tế - xã hội khu vực miền núi, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, khu vực biên giới; kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế cửa

⁽¹⁾ Cửa khẩu song phương Ma Lù Thàng (theo Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc ngày 18/11/2009).

⁽²⁾ Cửa khẩu phụ và 06 lối mở xác định tại Văn bản số 646/BTL-CK ngày 14/3/2016 của Bộ tư lệnh Bộ đội biên phòng; Cửa khẩu U Ma Tu Khoòng - Bình Hà chưa được mở chính thức (theo Hiệp định ngày 18/11/2009); 06 lối mở gồm: Pô Tô xã Huổi Luông, Lũng Thau xã Mù Sang, Gia Khâu xã Sì Lờ lầu, Sì Choang xã Vàng Ma Chải huyện Phong Thổ và Kặng mở xã Ka Lăng, Pa Thẳng xã Thu Lùm huyện Mường Tè.

khẩu được quan tâm đầu tư xây dựng, nhất là mạng lưới giao thông tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa.

2. Khó khăn

Là tỉnh miền núi địa hình chia cắt phức tạp, xa các trung tâm kinh tế của cả nước và trong khu vực; hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư nhưng thiếu đồng bộ; mật độ dân cư thưa, phân bố không đều, tỷ lệ hộ nghèo cao; sản xuất nhỏ lẻ, sức cạnh tranh yếu, môi trường đầu tư và kinh doanh chưa thuận lợi.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Về công tác quy hoạch

Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp được quan tâm thực hiện. Quy hoạch tổng thể phát triển Khu kinh tế cửa khẩu và các cụm công trình thiết yếu, quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt, phục vụ tốt cho việc triển khai xây dựng hạ tầng khu đầu mối⁽³⁾.

2. Về xuất nhập khẩu, tạm nhập, tái xuất hàng hóa và xuất, nhập cảnh

- Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa không ổn định, giai đoạn 2011-2015 đạt 60,47 triệu USD (bình quân đạt 12,09 triệu USD/năm), trong đó xuất khẩu đạt 15,47 triệu USD, nhập khẩu đạt 45 triệu USD.

- Hoạt động tạm nhập tái xuất hàng hóa phát triển khá, đạt 441 triệu USD, bình quân 88,2 triệu USD/năm.

- Xuất nhập cảnh người và phương tiện: Tổng số lượt khách xuất nhập cảnh đạt 298.822 lượt, trung bình 59.764 lượt người/năm; Tổng số lượt phương tiện xuất nhập cảnh 7.960 lượt, trung bình đạt 1.592 lượt/năm.

- Tổng thu ngân sách nhà nước về thuế xuất, nhập khẩu, phí, lệ phí đạt 113.922 triệu đồng, bình quân đạt 22.784 triệu đồng/năm.

(Có biểu chi tiết số 01 kèm theo)

3. Về hoạt động của các loại hình dịch vụ - du lịch, xúc tiến thương mại

- Hạ tầng phục vụ vận tải được quan tâm đầu tư xây dựng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa. Một số tuyến đường giao thông chính được đầu tư tạo sự kết nối giữa các xã biên giới như: Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 12; đường Pa Tần - Mường Tè; đường Đào San - Sì Lò Lầu; một số tuyến đường được đầu tư nâng cấp nhựa hóa như: Tuyến Mường Tè - Pắc Ma - Ka Lăng - Thu Lũm - U Ma Tu Khoàng; Tuyến Mường So - Đào San - Sì Lò Lầu;...

⁽³⁾ Các khu đất giao Ban Quản lý Khu KTKK quản lý, sử dụng gồm: Khu đầu mối 31,40 ha giao tại Quyết định 1339/QĐ-UBND ngày 27/12/2004, Ban đã giao lại đất cho 07 dự án, 06 tổ chức với tổng diện tích 11.615m², 21 tổ chức thuê đất với tổng DT 47.121,9m², đầu giá 29 thửa DT 4.149m², bổ trí 24 thửa tái định cư DT 4.149m²; Khu kinh tế mở Huổi Luông 30,01 ha giao tại Quyết định 1267/QĐ-UBND ngày 03/10/2005, Ban đã thực hiện công tác GPMB. Hiện tại DNXD tư nhân số 6 đã xây dựng nhà trên đất với DT khoảng 1.000m².

- Các dịch vụ bưu chính - viễn thông, công nghệ thông tin tiếp tục được mở rộng, phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu trao đổi thông tin; dịch vụ tài chính, ngân hàng giao dịch còn hạn chế, đang triển khai thực hiện các cơ chế chính sách liên quan đến lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

- Địa hình đa dạng đã tạo cho khu vực biên giới tỉnh Lai Châu nhiều tiềm năng du lịch tự nhiên phong phú. Các di tích lịch sử văn hóa, lịch sử cách mạng, các làng nghề thủ công truyền thống, nhiều phong tục, tập quán, ẩm thực đa dạng, phong phú, độc đáo như: Chợ phiên Dào San, Sin Súi Hồ, các giá trị văn hóa dân tộc truyền thống là tiềm năng cho phát triển du lịch. Bước đầu hình thành và khai thác một số điểm du lịch, điển hình là điểm du lịch cộng đồng xã Sin Súi Hồ.

- Các hoạt động xúc tiến thương mại được triển khai, thu hút được 21 tổ chức, cá nhân đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu thuộc các lĩnh vực: ngân hàng, bưu điện, viễn thông, sản xuất bao bì, thu mua nông sản xuất khẩu, kinh doanh xăng dầu, nhà nghỉ, kho ngoại quan, vốn đăng ký đầu tư hơn 120 tỷ đồng. Tổ chức và tham gia hội chợ xúc tiến thương mại quảng bá, giới thiệu sản phẩm, tham gia gian hàng giới thiệu các sản phẩm thế mạnh của tỉnh tại Hội chợ Thương mại Quốc tế Việt - Trung thường niên tại tỉnh Lào Cai. Năm 2014, tổ chức Hội chợ thương mại Quốc tế tỉnh Lai Châu quy mô trên 300 gian hàng, trong đó có 18 doanh nghiệp Trung Quốc tham gia với 55 gian hàng.

4. Về chất lượng, công tác đào tạo công chức, viên chức Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng

Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng hiện có 23 công chức, viên chức, trong đó 04 hợp đồng⁽⁴⁾ (*Giảm 4 người so với năm 2010*). Công tác đào tạo thời gian qua được quan tâm nhằm chuẩn hóa về trình độ chuyên môn và năng lực quản lý, đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Giai đoạn 2011-2015, đã đào tạo trình độ thạc sỹ 02 đồng chí (01 tại Côn Minh - Trung Quốc, 01 tại Việt Nam); đại học 08 đồng chí; cao cấp lý luận chính trị 04 đồng chí; trung cấp lý luận 05 đồng chí; Tỷ lệ công chức, viên chức thành thạo tiếng Trung còn thấp (đạt khoảng 20%). Tổ chức các lớp học tiếng Trung ngắn hạn cho 28 công chức, viên chức của Ban Quản lý và cán bộ, chiến sỹ các lực lượng liên ngành làm việc tại khu vực cửa khẩu.

5. Về quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại

Triển khai thực hiện tốt Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ "*Về tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh*

⁽⁴⁾ Chuyên môn: Thạc sỹ 01, đại học 17, Cao đẳng 01, Trung cấp 01, Sơ cấp 03; Lý luận chính trị: Cao cấp 03, Trung cấp 06, Sơ cấp 01.

biên giới quốc gia trong tình hình mới"⁽⁵⁾, tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện ba văn kiện pháp lý về quản lý biên giới với 1.968 buổi/81.417 người tham gia; tổ chức hội đàm cấp tỉnh 14 lần (định kỳ 12 lần, đột xuất 02 lần), đại diện biên giới 08 lần, cấp đồn Biên phòng 106 lần (định kỳ 89 lần, đột xuất 17 lần), gửi 350 thư và nhận 350 thư; xây dựng khu vực phòng thủ các huyện, xã biên giới vững mạnh; tổ chức tuần tra, kiểm soát bảo vệ đường biên, cột mốc, giải quyết kịp thời các tranh chấp, khiếu kiện.

Phối hợp chặt chẽ các ngành và lực lượng chức năng trong tổ chức thực hiện, xây dựng kế hoạch chủ động phòng ngừa, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới. An ninh chính trị các xã biên giới cơ bản ổn định, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Quan hệ hợp tác, đối ngoại giữa các huyện, xã biên giới của tỉnh và các huyện, xã biên giới của tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) tiếp tục được duy trì và phát triển trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc đối ngoại của Đảng, Nhà nước. Thông qua hoạt động giao lưu Nhân dân, kết nghĩa thôn, bản hữu nghị tăng cường sự hiểu biết, tin cậy và cùng nhau xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, tạo điều kiện thuận lợi trong hợp tác phát triển kinh tế, phòng chống các loại tội phạm, quản lý đường biên, mốc giới, xây dựng tuyến biên giới Việt - Trung ổn định và phát triển.

III. NHỮNG HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Những hạn chế, yếu kém

- Công tác quy hoạch và đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng còn thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu về kho bãi hàng hóa, chợ cửa khẩu, kho ngoại quan,... Chính sách ưu đãi đầu tư chưa đủ mạnh nên việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu còn hạn chế.

- Công nghiệp chế biến hàng xuất khẩu trên địa bàn tỉnh chậm phát triển, chưa chủ động được nguồn hàng và thị trường, phần lớn phụ thuộc vào chính sách biên mậu của Trung Quốc.

- Công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt là hàng tạm nhập tái xuất ngoài khu vực cửa khẩu Ma Lù Thàng (lối mở, điểm thông quan...) chưa đồng bộ.

2. Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém

a) Nguyên nhân khách quan

Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lai Châu có vị trí địa lý nằm xa các trung tâm kinh tế lớn, địa hình chia cắt phức tạp; xuất phát điểm về kinh tế thấp, giao lưu

⁽⁵⁾ Có 1.610 hộ/3.989 người tham gia tự quản 69 mốc quốc giới, 141 tổ tự quản an ninh.

với các vùng khác hạn chế; Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, khả năng huy động tích lũy nội bộ cho đầu tư phát triển còn hạn chế, mặt khác phụ thuộc vào chính sách biên mậu của phía Trung Quốc.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác xây dựng kế hoạch, nguồn lực đầu tư phần lớn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương, huy động lòng ghép nguồn vốn đầu tư còn hạn chế. Sự phối hợp quản lý giữa các cấp, các ngành chưa chặt chẽ; thiếu cán bộ, chuyên gia có kinh nghiệm, chuyên môn giỏi về lĩnh vực phát triển kinh tế cửa khẩu.

IV. TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỬA KHẨU

1. Về nhu cầu và khả năng phát triển cửa khẩu, lối mở

Lai Châu giáp với tỉnh Vân Nam – Trung Quốc, là thị trường có sức tiêu thụ lớn, thuận lợi cho phát triển thương mại, hàng hóa xuất khẩu, đặc biệt là nhóm hàng hóa như: các sản phẩm của ngành nông, lâm, thủy sản và thực phẩm đông lạnh. Trong thời gian qua, hoạt động xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất tại cửa khẩu Ma Lù Thàng và lối mở Pô Tô có nhiều chuyển biến tích cực, kim ngạch xuất nhập khẩu và giá trị hàng tái xuất có xu hướng tăng. Hiện có khoảng 20 doanh nghiệp đang có nhu cầu mở các điểm giao nhận hàng hóa tại khu vực cửa khẩu U Ma Tu Không thuộc huyện Mường Tè và các lối mở tuyến biên giới thuộc huyện Phong Thổ.

2. Về mặt hàng xuất khẩu qua các cửa khẩu, lối mở

a) Các mặt hàng xuất khẩu của địa phương

- Đất đai rộng, khí hậu mát mẻ tạo cơ hội cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp, diện tích đất lâm nghiệp lớn, tài nguyên rừng phong phú thuận lợi cho phát triển những sản phẩm từ gỗ và những sản phẩm ngoài gỗ phục vụ xuất khẩu như:

+ Mặt hàng ngô: Đến hết năm 2015 tại 23 xã biên giới có 4.632 ha, ngoài ra còn có 4.107 ha đất lúa 01 vụ có thể trồng thêm 01 vụ ngô, tổng sản lượng ngô đạt 15.802 tấn.

+ Thảo quả: Tổng diện tích trồng Thảo quả hiện có khoảng 3.194 ha, sản lượng cho thu hoạch bình quân khoảng 5.232 tấn/năm. Chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc theo hình thức trao đổi cư dân biên giới tại các chợ và lối mở biên giới.

+ Chuối: Diện tích hiện có khoảng 1.141 ha chuối, được trồng tập trung tại các huyện biên giới như Phong Thổ, Nậm Nhùn. Năng suất chuối xanh trung bình đạt 17 tấn quả/ha/năm, tiêu thụ chủ yếu là thị trường Trung Quốc thông qua hình thức mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới.

+ Cây sả: Diện tích hiện có 220 ha, trồng tập trung tại huyện Mường Tè, năng suất 10 tấn/ha, sản lượng 2.200 tấn/năm. Sản phẩm tinh dầu sả được tiêu thụ chủ yếu sang Trung Quốc, một số được tiêu thụ thị trường nội địa.

- Các sản phẩm hàng hóa từ cây công nghiệp: Diện tích cây cao su hiện có đến hết năm 2015 có 423,3 ha tại các xã biên giới (xã Huồi Luông, Ma Li Pho và Nậm Xe, huyện Phong Thổ), năng xuất bình quân đạt 1,5 tấn mù khô/ha.

b) Hàng hóa của các tỉnh khác

Trung Quốc là thị trường tiêu thụ lớn đối với các mặt hàng trái cây tươi và thủy sản của Việt Nam như: Nhãn, dưa hấu, thanh long, măng cụt, sầu riêng... và các loại thủy sản như: tôm, cá đông lạnh..., trong thời gian tới hạ tầng giao thông và hệ thống kho bãi tập kết hàng hóa của tỉnh tiếp tục được đầu tư, nâng cấp là cơ hội thu hút được nhiều các doanh nghiệp trong nước xuất khẩu hàng hóa qua hệ thống cửa khẩu của tỉnh.

c) Hàng hóa tạm nhập, tái xuất

Trong xu hướng hội nhập toàn cầu thì loại hình kinh doanh tạm nhập, tái xuất đang phát triển khá phổ biến ở tất cả các nước. Trung Quốc là thị trường lớn, đang có nhu cầu nhập các mặt hàng thực phẩm đông lạnh và các loại nông sản khô từ các nước trên thế giới. Với lợi thế về cửa khẩu biên giới đất liền giáp với Trung Quốc, đây là điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình kinh doanh tạm nhập tái xuất. Hiện nay, hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất đã phát triển, nhu cầu của các doanh nghiệp mở các điểm thông quan hàng tạm nhập tái xuất trên tuyến biên giới tỉnh Lai Châu là rất lớn, tập trung vào các lối mở trên địa bàn huyện Phong Thổ và huyện Mường Tè. Phát triển hoạt động kinh doanh tạm nhập tái xuất sẽ góp phần thúc đẩy công tác xã hội hóa đầu tư hệ thống kho, bãi và phát triển thương mại – dịch vụ, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người lao động trong khu vực cửa khẩu, lối mở biên giới.

Phần thứ hai

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA KHẨU GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, đẩy mạnh các hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh và dịch vụ - du lịch; phát triển hàng nông sản địa phương; huy động các nguồn lực đầu tư từng bước hoàn thiện kết

cấu hạ tầng, phát triển các khu chức năng đảm bảo đồng bộ; bảo vệ môi trường và bảo đảm an ninh quốc phòng, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tổng giá trị kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa tăng bình quân 10%/năm, đến năm 2020 đạt 12,8 triệu USD; giá trị xuất khẩu hàng địa phương tăng bình quân 7%/năm, đến năm 2020 đạt 7,2 triệu USD.

- Tổng thu ngân sách nhà nước về thuế xuất, nhập khẩu, phí, lệ phí bình quân 55 tỷ đồng/năm; doanh thu về du lịch, dịch vụ bình quân 6,5 tỷ đồng/năm.

- Lượng khách xuất, nhập cảnh bình quân 127.000 lượt người/năm, trong đó khách từ nước ngoài vào 21.000 lượt người/năm.

II. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Phát triển, mở rộng các cửa khẩu biên giới

- Năm 2017 hoàn thành việc rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, điều chỉnh diện tích theo hướng mở rộng khu đầu mối 35 ha về phía Huổi Luông; năm 2018 hoàn thiện quy hoạch chi tiết khu vực cửa khẩu phụ U Ma Tu Khoòng và Quy hoạch kho bãi tại các cửa khẩu, khu (điểm) chợ biên giới phù hợp với tình hình thực tiễn và tiềm năng phát triển tại cửa khẩu.

- Xây dựng Đề án mở rộng Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng theo hướng mở rộng không gian khu kinh tế dọc tuyến biên giới Việt - Trung trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Tiến hành các bước để chính thức mở cửa khẩu U Ma Tu Khoòng theo loại hình cửa khẩu song phương khi đủ điều kiện, phù hợp với Hiệp định về cửa khẩu và quy chế quản lý cửa khẩu biên giới trên đất liền Việt Nam - Trung Quốc do Chính phủ hai nước ký ngày 18/11/2009, đồng thời phát triển các lối mở có đường giao thông thuận lợi thành các khu (điểm) chợ biên giới theo Hiệp định thương mại biên giới Việt Nam - Trung Quốc do Chính phủ hai nước ký ngày 12/9/2016.

- Từng bước nghiên cứu, thỏa thuận, đàm phán để ký kết với chính quyền tỉnh Vân Nam - Trung Quốc về hoạt động thương mại tại chợ biên giới đối với người và phương tiện vận tải xuất nhập cảnh, hàng hóa xuất nhập khẩu ra, vào các khu (điểm) chợ biên giới.

2. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng

- Huy động các nguồn lực tiếp tục đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu như: Kho ngoại quan, kho bãi hàng hóa và nâng cấp hệ thống cấp, thoát nước, điện sinh hoạt... nhất là các khu chức năng trong Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng và cửa khẩu phụ U Ma Tu Khoòng.

- Quan tâm lồng ghép các nguồn vốn đầu tư xây dựng các công trình trên tuyến biên giới như: Cơ sở phòng chống dịch bệnh, hệ thống đường tuần tra, đường ra biên giới, kết hợp xây dựng kết cấu hạ tầng di dân ra sát biên giới để phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ chủ quyền quốc gia, tạo tiền đề hình thành phát triển thị tứ Ma Lù Thàng theo Quyết định 240/QĐ-TTg ngày 28/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Tạo môi trường thuận lợi đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu, xuất, nhập cảnh qua địa bàn

- Đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu theo hướng tăng tổng kim ngạch. Phát huy tối đa lợi thế các cửa khẩu biên giới (Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, lối mở Pô Tô,...) và các khu (điểm) chợ biên giới để thúc đẩy hoạt động xuất, nhập khẩu. Giữ vững và tăng thị phần đối với các sản phẩm, thị trường xuất khẩu truyền thống, tích cực phát triển các sản phẩm, thị trường xuất khẩu mới.

- Nghiên cứu thực hiện các hình thức để rút ngắn thời gian kiểm soát, bốc xếp, trung chuyển hàng hóa qua biên giới, tạo điều kiện thông thoáng nhất nhằm nâng cao năng lực thông quan hàng hóa.

- Tiếp tục đầu tư, hiện đại hóa trang thiết bị liên quan; áp dụng ứng dụng công nghệ thông tin (hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS) trong quản lý hoạt động xuất nhập khẩu, nâng cao năng lực thông quan tại các cửa khẩu; nâng cao tính sẵn sàng của hệ thống hành chính trong việc giải quyết các nhu cầu của người dân, doanh nghiệp theo hướng giảm thời gian, chi phí giao dịch hành chính, nâng cao hiệu quả làm việc của cơ quan nhà nước.

- Đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại; phát triển du lịch thương mại, hội chợ ở khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng; trao đổi thông tin, hợp tác với các tỉnh trong nước và tỉnh Vân Nam - Trung Quốc để cùng tháo gỡ, giải quyết nhanh chóng các vấn đề vướng mắc phát sinh, nhất là trong thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu.

4. Phát triển các sản phẩm hàng nông sản địa phương

Phát triển các vùng sản xuất chuyên canh hàng hóa tập trung tại các xã biên giới với một số cây trồng có lợi thế như:

- Đầu tư thâm canh diện tích ngô hiện có, tăng diện tích ngô trên đất ruộng một vụ; khuyến khích sử dụng các giống ngô lai có năng suất, chất lượng cao phục vụ phát triển chăn nuôi và xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2020 diện tích tăng lên 4.652 ha, sản lượng đạt 16.783 tấn.

- Mở rộng, phát triển vùng chuối tập trung, khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người dân đầu tư thâm canh chuối, phấn đấu đến năm 2020 diện tích cây chuối đạt 2.001 ha.

- Khoanh vùng diện tích cây sả hiện có, triển khai lập quy hoạch vùng trồng sả gắn với xây dựng thương hiệu. Đổi mới công nghệ chiết xuất thay thế nguyên liệu chất đốt là củi sang nguyên liệu hóa thạch hoặc năng lượng khác nhằm bảo vệ môi trường và rừng đầu nguồn.

- Duy trì và phát triển diện tích cây thảo quả hiện có 3.382 ha, sản lượng khoảng 6.378 tấn; phát triển các loại cây dược liệu quý có giá trị kinh tế cao, mở rộng và khôi phục diện tích tam thất tại các xã Pa Vệ Sủ, Pa Ủ, Ka Lãng, Thu Lũm,... nghiên cứu, khôi phục, phát triển cây dược liệu tại vùng có thể mạnh và phù hợp với điều kiện tự nhiên; phát triển một số cây dược liệu có giá trị như: sâm ngọc linh, đương quy,... phục hồi và phát triển diện tích chè truyền thống tại những nơi có điều kiện thuận lợi.

5. Phát triển và nâng cao chất lượng các loại hình dịch vụ - du lịch

a) Phát triển các loại hình dịch vụ

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng hạ tầng phục vụ vận tải. Khuyến khích phát triển các loại hình vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách ngày càng tăng; sử dụng phương tiện vận tải thân thiện với môi trường, đảm bảo an toàn giao thông.

- Khuyến khích phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng,... tạo điều kiện để các tổ chức tài chính, ngân hàng trong và ngoài nước thành lập chi nhánh, phòng giao dịch; nâng cao năng lực huy động và đáp ứng nhu cầu vốn đầu tư phát triển.

- Phát triển các dịch vụ bưu chính, viễn thông theo hướng đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt.

- Xem xét phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ xuất khẩu như: Dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm nghiệm, kiểm dịch nhằm tiết kiệm thời gian và chi phí cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất, nhập khẩu qua địa bàn.

b) Phát triển các loại hình du lịch

Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến du lịch theo hướng mua sắm và du lịch qua biên giới nhằm quảng bá và thu hút khách du lịch đến Khu kinh tế cửa khẩu. Phát triển du lịch gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, chú trọng đầu tư các khu du lịch cộng đồng, nhân rộng mô hình du lịch cộng đồng xã Sin Súi Hồ tại những nơi có điều kiện.

6. Quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại

- Công tác quân sự, quốc phòng: Tiếp tục xây dựng thế trận an ninh nhân

dân, gắn với thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc. Phát huy vai trò quần chúng nhân dân, thành lập các tổ tự quản đường biên, mốc giới, ký cam kết giữ gìn an ninh trật tự, bảo vệ biên giới theo Chỉ thị số 01/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Tổ chức phong trào toàn dân tham gia bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, an ninh biên giới quốc gia trong tình hình mới”.

- Công tác đảm bảo an ninh chính trị và trật tự xã hội: Nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Các lực lượng phối hợp chặt chẽ với cấp uỷ, chính quyền địa phương đẩy mạnh đấu tranh, triệt phá các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma tuý, buôn bán tàng trữ vũ khí, chất nổ, mua bán người,... giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội ở khu vực biên giới.

- Công tác đối ngoại: Tiếp tục thực hiện tốt quan hệ láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc, nhất là quan hệ hữu nghị hợp tác và giao lưu Nhân dân giữa các huyện, xã biên giới. Duy trì thực hiện tốt các văn kiện pháp lý về biên giới trên đất liền Việt Nam – Trung Quốc.

III. KINH PHÍ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

1. Kinh phí: 181.000 triệu đồng

2. Nguồn kinh phí

- Ngân sách Trung ương: 81.000 triệu đồng

- Ngân sách địa phương: 33.000 triệu đồng

- Nguồn vốn huy động khác: 67.000 triệu đồng (*thu hút đầu tư vào các dự án chợ cửa khẩu, kho bãi...*).

(Có biểu chi tiết số 02 kèm theo)

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Công tác tuyên truyền

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục vận động Nhân dân thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về quản lý biên giới; chủ trương của tỉnh về phát triển kinh tế cửa khẩu, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành và Nhân dân các dân tộc.

- Nâng cấp các trang thông tin điện tử, đặc biệt là Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, thống nhất đăng tải đầy đủ thông tin, số liệu, minh bạch về quy hoạch, các dự án kêu gọi đầu tư cho nhà đầu tư (*có thể bằng nhiều ngôn ngữ như tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Trung*); đồng thời thường xuyên cập nhật thông tin về cơ chế, chính sách chuyên ngành có liên quan đến hoạt động đầu tư nhằm cung cấp thông tin kịp thời đến nhà đầu tư. Liên kết với trang thông

tin của các tổ chức xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước để tăng cường quảng bá hình ảnh, tiềm năng và cơ hội đầu tư trong Khu kinh tế cửa khẩu.

2. Công tác quy hoạch

- Tăng cường quản lý quy hoạch, rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất tại Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, điều chỉnh kịp thời đối với các quy hoạch không còn phù hợp; có kế hoạch cụ thể để thực hiện các quy hoạch đã được phê duyệt. Thực hiện các giải pháp đồng bộ nâng cao chất lượng công tác quy hoạch và cấp phép xây dựng.

- Công bố rộng rãi các quy hoạch đã được phê duyệt; rà soát, kiểm tra việc triển khai thực hiện các dự án theo quy hoạch; điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất hiệu quả, nhằm đảm bảo phát triển kinh tế và môi trường bền vững.

3. Tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh; tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế

- Tiếp tục rà soát các cơ chế, chính sách đã ban hành để kịp thời điều chỉnh loại bỏ những chi phí bất hợp lý hoặc không cần thiết, điều chỉnh các mức thu hợp lý, bổ sung, ban hành mới về ưu đãi đầu tư, hỗ trợ vốn, đất đai, thuế, phí và lệ phí,... bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước với doanh nghiệp, tạo điều kiện thu hút nhà đầu tư, doanh nghiệp xuất nhập khẩu, nâng cao năng lực thông quan hàng hóa. Điều chỉnh, bổ sung các quy định hiện hành của tỉnh về quản lý xuất nhập cảnh tại Khu kinh tế cửa khẩu và các cửa khẩu biên giới đảm bảo thuận tiện, nhanh gọn và an toàn. Phối hợp với các tỉnh biên giới phía Bắc, rà soát, xây dựng cơ chế, chính sách tạo liên kết vùng để huy động các nguồn lực tập trung phát triển.

- Chỉ đạo và thực hiện các văn bản đã ký kết với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc; phối hợp, nắm bắt việc thay đổi về chủ trương điều hành và xuất nhập khẩu. Đẩy mạnh trao đổi thông tin, hợp tác với các tỉnh trong nước và tỉnh Vân Nam - Trung Quốc để cùng tháo gỡ, giải quyết nhanh chóng các vấn đề vướng mắc phát sinh, nhất là trong thông quan hàng hóa xuất, nhập khẩu. Tiến hành triển khai các bước chính thức mở cửa khẩu U Ma Tu Khoàng theo loại hình song phương và phát triển các lối mở có đường giao thông thuận lợi thành các khu (điểm) chợ biên giới.

4. Đổi mới và đẩy mạnh công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại

- Xây dựng cơ chế quản lý đầu tư cơ sở hạ tầng trong các khu chức năng thuộc Khu kinh tế cửa khẩu theo hướng cho phép doanh nghiệp đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật, trong đó Nhà nước ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định.

- Tiếp xúc, kêu gọi các nhà đầu tư, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh tại địa bàn các xã biên giới. Tăng cường đối thoại, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp về thông tin, thị trường, tập huấn khởi nghiệp,... Thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư theo lĩnh vực, đặc biệt cho từng dự án cụ thể và theo mục tiêu của tỉnh.

- Đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tăng cường tiếp xúc, làm việc với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Đổi mới nội dung, hình thức, các tài liệu xúc tiến đầu tư, tập trung vào lĩnh vực giao thông, nông nghiệp, công nghiệp, thương mại,... để hỗ trợ các nhà đầu tư trong công tác khảo sát thị trường.

- Rà soát các dự án đầu tư, kiên quyết thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư các dự án không triển khai thực hiện hoặc kéo dài, chậm tiến độ.

- Nâng cao năng lực cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại và du lịch. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch theo hướng chuyên nghiệp hóa, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

5. Nâng cao năng lực của bộ máy quản lý nhà nước trong Khu kinh tế cửa khẩu

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức bộ máy, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiệu quả. Rà soát, bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức, phạm vi không gian quản lý đối với Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng. Nâng cao vai trò trách nhiệm và năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện của Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng với các cơ quan chức năng như: Hải quan, Biên phòng, Kiểm dịch, UBND các huyện, xã biên giới. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong chỉ đạo, điều hành, phối hợp của các cấp, các ngành, đảm bảo tổ chức thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập Quốc tế; quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao trình độ, năng lực thực thi công vụ. Nâng cao ý thức trách nhiệm người đứng đầu và kỷ luật, kỷ cương hành chính của đội ngũ công chức, viên chức; nâng cao năng lực, ngoại ngữ cho công chức, viên chức làm việc tại cửa khẩu.

- Rà soát, xây dựng Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu và Ủy ban nhân dân các huyện biên giới, phân định rõ nhiệm vụ, thẩm quyền, trách nhiệm của các đơn vị liên quan để tổ chức thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ được giao.

6. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư và tạo điều kiện nâng cao năng lực thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Nghị quyết 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ công, bảo đảm tính công khai minh bạch, thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân; hiện đại hóa các hoạt động dịch vụ công như: Cấp đăng ký kinh doanh, kê khai thuế, thủ tục xuất, nhập khẩu qua mạng... Triển khai và nâng cấp ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan chức năng để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc thực hiện các thủ tục trong lĩnh vực đầu tư, đất đai, xây dựng đối với các dự án đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện. Đặc biệt chú ý nâng cao năng lực, trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ làm nhiệm vụ tại khu vực cửa khẩu.

7. Nguồn lực đầu tư, phương thức huy động vốn đầu tư, trọng tâm là vốn ngoài ngân sách

- Tập trung huy động các nguồn lực ngoài ngân sách tham gia đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu, đặc biệt là công tác xã hội hóa, triển khai thực hiện hiệu quả chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư của Trung ương và của tỉnh, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư đến đầu tư phát triển và mở rộng sản xuất, kinh doanh tại Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, cửa khẩu phụ U Ma Tu Khoàng, Khu công nghiệp Mường So,...

- Bố trí, sử dụng có hiệu quả nguồn thu từ phí, lệ phí tại Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng để duy tu, bảo dưỡng, tái đầu tư hạ tầng cửa khẩu và các trang thiết bị phục vụ công tác kiểm tra, giám sát của các lực lượng chức năng tại cửa khẩu.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện có liên quan, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Chương trình; tham mưu đề xuất cơ chế chính sách thu hút nguồn lực đầu tư vào Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng; cân đối, bố trí kế hoạch vốn đầu tư hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; xây dựng chương trình và tổ chức các hoạt động xúc

tiền đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phát triển các sản phẩm chủ lực của địa phương.

- Sở Công Thương: Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện có liên quan tham mưu các giải pháp thúc đẩy phát triển thương mại biên giới; tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại để tìm kiếm thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng có thế mạnh của tỉnh, đồng thời thực hiện tốt công tác phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả.

- Sở Nông nghiệp và PTNT: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và UBND các huyện có liên quan xây dựng, thực hiện các nội dung về phát triển các vùng sản xuất tập trung, các cây trồng phù hợp, chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp tạo sản phẩm hàng hóa phục vụ xuất khẩu.

- Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng và các đơn vị có liên quan về công tác quy hoạch xây dựng và chất lượng đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các cửa khẩu.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng, các cơ quan có liên quan quản lý nhà nước về đất đai và quy hoạch đất đai khu kinh tế cửa khẩu. Đề xuất điều chỉnh, bổ sung quy hoạch sử dụng đất, bố trí quỹ đất cho phát triển các dự án đề xuất trong Chương trình. Quản lý tốt công tác bảo vệ môi trường theo quy định.

- Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối bố trí vốn ngân sách địa phương để triển khai các dự án. Đảm bảo nguồn lực triển khai các chính sách liên quan và hoạt động xúc tiến thương mại - đầu tư; tham mưu UBND tỉnh về cơ chế, chính sách thu hút, huy động, sử dụng vốn đầu tư trong và ngoài nước để phát triển kinh tế cửa khẩu; hướng dẫn việc thanh toán, quyết toán các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư của dự án.

- Sở Ngoại vụ: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu tham mưu, đề xuất các nhiệm vụ về công tác đối ngoại, mở rộng quan hệ hợp tác với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), phối hợp thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển khu kinh tế cửa khẩu, hợp tác bảo vệ môi trường.

- Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng: Làm đầu mối thực hiện Chương trình, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện có liên quan triển khai thực hiện nội dung Chương trình; rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khu vực các cửa khẩu và lối mở. Đề xuất cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển Khu kinh tế cửa khẩu.

- Sở Nội vụ: Xây dựng kế hoạch phát triển và tham mưu, đề xuất giải pháp nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước trong Khu kinh tế cửa khẩu;

kiện toàn Ban Quản lý khu kinh tế theo quy định của Chính phủ; làm đầu mối triển khai có hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính.

- Chi cục Hải quan cửa khẩu Ma Lù Thàng: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành tại cửa khẩu thực hiện quản lý, theo dõi, tham mưu cho tỉnh các cơ chế, chính sách, rút ngắn thời gian thông quan hàng hóa, kiểm tra, kiểm soát các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh.

- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch cùng các sở, ban, ngành có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chủ động phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Chương trình.

2. Ủy ban nhân dân các huyện biên giới

Căn cứ Chương trình phát triển kinh tế cửa khẩu tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020, xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình và điều kiện thực tế của địa phương; phối hợp lồng ghép các nguồn vốn ngân sách địa phương, các chương trình chính sách của Trung ương, của tỉnh; đồng thời kêu gọi, thu hút các nguồn vốn khác để đầu tư, triển khai thực hiện Chương trình đạt hiệu quả cao nhất.

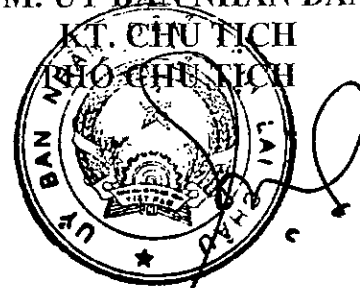
3. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng, hằng năm, Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả triển khai thực hiện Chương trình; chủ động đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Chương trình cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ thực tế, đảm bảo hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình./

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

NGUYỄN CHỮ TỊCH



Giàng A Tỉnh



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỬA KHẨU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Lai Châu)

STT	ĐVT	Thực hiện giai đoạn 2011-2015						Dự kiến giai đoạn 2016-2020					Ghi chú		
		Tổng số	2011	2012	2013	2014	2015	Tổng số	2016	2017	2018	2019		2020	
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	
1	Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu	Triệu USD	60,47	3,97	6,36	18,11	17,07	14,96	58,65	14,55	9,40	10,40	11,50	12,80	
1.1	Giá trị xuất khẩu trên địa bàn	Triệu USD	15,47	1,29	4,01	1,21	2,71	6,25	40,65	6,55	7,20	8,00	8,90	10,00	
	- Giá trị xuất khẩu hàng địa phương	Triệu USD	5,07	0,32	0,26	0,82	2,02	1,65	31,15	5,35	5,70	6,20	6,70	7,20	
	- Giá trị xuất khẩu địa phương khác qua địa bàn	Triệu USD	10,40	0,97	3,75	0,39	0,69	4,60	9,50	1,2	1,5	1,8	2,2	2,8	
1.2	Giá trị nhập khẩu	Triệu USD	45,00	2,68	2,35	16,90	14,36	8,71	18,00	8,00	2,20	2,40	2,60	2,80	
2	Hoạt động tạm nhập, tái xuất	Triệu USD	441,00	0,26	12,39	47,72	109,60	271,03	1.434,00	270	278	286	295	305	
3	Tổng thu thuế xuất, nhập khẩu, phí, lệ phí	Triệu đồng	113.922	7.010	5.138	35.534	40.108	26.132	280.000	52.000	48.000	52.000	60.000	68.000	
4	Lượng người xuất, nhập cảnh	Lượt người/năm	298.822	37.777	42.981	28.314	75.573	114.177	635.127	110.127	120.000	125.000	130.000	150.000	CV Số 734/BCH-CT ngày 19-5-2016
	Trong đó: Khách từ nước ngoài vào	Lượt người/năm	32.474	6.767	6.562	6.235	5.783	7.127	105.127	10.127	20.000	20.000	25.000	30.000	
5	Số lượng phương tiện xuất, nhập cảnh	Lượt/năm	7.960	897	1.152	731	2.456	2.724	17.500	2.500	3.000	3.500	4.000	4.500	
6	Doanh thu về du lịch, dịch vụ	Tỷ đồng/năm							32,6	3,1	6,2	6,2	7,8	9,3	



NHU CẦU VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỬA KHẨU GIAI ĐOẠN 2016-2020

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 190/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Lai Châu)

ĐVT: Triệu đồng

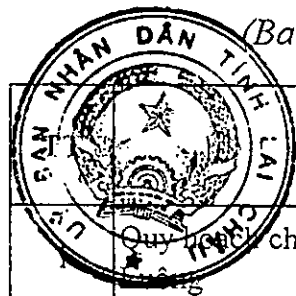
STT	Tên mục công trình	Năng lực TK	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn qua các năm					Dự kiến nguồn vốn đầu tư	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						2016	2017	2018	2019			2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
TỔNG CỘNG				181.000	181.000	-	40.000	54.000	48.000	39.000		
A	PHÂN THEO LĨNH VỰC ĐẦU TƯ											
I	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng			141.000	141.000	-	35.000	38.000	34.000	34.000		
a	Hạ tầng khu Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng			81.000	81.000	-	21.000	20.000	20.000	20.000		
	<i>Hạ tầng giao thông</i>			45.000	45.000		18.000	15.000	9.000	3.000		
1	Công trình Nâng cấp đường từ Km1 đến khu vực Pô Tô	7 km	2017-2020	45.000	45.000	-	18.000	15.000	9.000	3.000	Dự kiến đầu tư bằng nguồn NSTW theo QĐ 145/QĐ-HĐND ngày 24/6/2016, tuy nhiên theo VB 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch việc bố trí từ NSTW là rất khó khăn. Tình tiếp tục đề nghị Trung ương bố trí	
	<i>Hạ tầng Điện</i>			3.500	3.500	-	-	-	-	3.500		
2	Hệ thống điện khu dân cư và khu thương mại dịch vụ	2,8km	2019-2020	3.500	3.500	-	-	-	-	3.500		
	<i>Hạ tầng khác</i>			32.500	32.500	-	3.000	5.000	11.000	13.500		
3	Sân BT bãi đỗ xe số 02 và nâng cấp đường vào sân bãi	8.000 m2	2017-2020	14.500	14.500	-	3.000	5.000	4.500	2.000		
4	Xây kè khu vực dân cư và kè khu công chính	816m	2017-2020	18.000	18.000				6.500	11.500		
b	Các khoản đầu tư khác			15.000	15.000	-	8.000	5.000	1.000	1.000		
1	Quy hoạch phát triển mở rộng Khu KTCK Ma Lù Thàng	Các xã biên giới	2017-2019	2.500	2.500	-	1.500	1.000		-	Nguồn NSĐP	
2	Quy hoạch chi tiết Khu đầu mối về phía xã Huổi Luông	35 ha	2017-2019	1.500	1.500	-	1.000	500		-		
3	Quy hoạch chi tiết khu lõi mở Pô Tô	10 ha	2017-2018	500	500	-		500		-		
4	Giải phóng mặt bằng 10ha khu Pô Tô và trạm Barie tại km1	10,5ha	2017-2018	7.500	7.500	-	5.000	2.500		-		
5	Sửa chữa các công trình hạ tầng, nhà Ban Quản lý và Hệ thống thiết bị phục vụ Trạm kiểm soát liên hợp Khu KTCK		2017-2020	3.000	3.000		500	500	1.000	1.000	Vốn từ hoạt động thu phí, lệ phí	

(Handwritten signature)

STT	Danh mục công trình	Năng lực TK	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Nhu cầu vốn qua các năm					Dự kiến nguồn vốn đầu tư	Ghi chú	
					Tổng số	Trong đó						
						2016	2017	2018	2019			2020
c	Đầu tư kho bãi			45.000	45.000	-	6.000	13.000	13.000	13.000	Nguồn vốn dân doanh, nguồn huy động khác	
1	Chợ cửa khẩu Ma Lù Thàng	Cấp III	2018-2020	15.000	15.000	-	-	5.000	5.000	5.000		
2	Kho bãi hàng hóa	02 ha	2017-2020	30.000	30.000	-	6.000	8.000	8.000	8.000		
II	Khu U Ma Tu Khoàng			40.000	40.000	-	5.000	16.000	14.000	5.000	Nguồn NSĐP	
	<i>Cơ sở hạ tầng kỹ thuật</i>			10.000	10.000	-	3.000	5.000	2.000	-		
1	Dự án Mặt bằng khu kinh tế cửa khẩu U Ma Tu Khoàng	2 ha	2017-2020	10.000	10.000		3.000	5.000	2.000			
	<i>Cơ sở vật chất kỹ thuật</i>			8.000	8.000	-	-	3.000	4.000	1.000		
2	Nhà kiểm soát liên hợp và trạm kiểm dịch biên giới cửa khẩu U Ma Tu Khoàng		2018-2020	5.000	5.000			3.000	2.000			
3	Trạm Y tế cửa khẩu U Ma Tu Khoàng (khu vực cách ly kiểm dịch y tế và xử lý y tế)		2019-2020	3.000	3.000				2.000	1.000		
	Đầu tư kho bãi			22.000	22.000	-	2.000	8.000	8.000	4.000	Nguồn vốn dân doanh, nguồn huy động khác	
4	Cửa hàng kinh doanh miễn thuế; trung tâm thương mại	500 m2	2018-2020	7.000	7.000			3.000	3.000	1.000		
5	Đầu tư kho, bến, bãi tập kết hàng chờ xuất, nhập khẩu; kho chuyển hàng hóa	3-5 ha	2017-2020	15.000	15.000		2.000	5.000	5.000	3.000		
B	PHÂN THEO KHU VỰC ĐẦU TƯ											
	TỔNG CỘNG			181.000	181.000	-	40.000	54.000	48.000	39.000		
I	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng			141.000	141.000	-	35.000	38.000	34.000	34.000		
a	<i>Đầu tư hạ tầng</i>			<i>81.000</i>	<i>81.000</i>	-	<i>21.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	Nguồn vốn NSTW	
b	<i>Các khoản đầu tư khác</i>			<i>15.000</i>	<i>15.000</i>	-	<i>8.000</i>	<i>5.000</i>	<i>1.000</i>	<i>1.000</i>	Nguồn vốn NSĐP	
c	<i>Đầu tư kho bãi</i>			<i>45.000</i>	<i>45.000</i>	-	<i>6.000</i>	<i>13.000</i>	<i>13.000</i>	<i>13.000</i>	XHH	
II	Khu U Ma Tu Khoàng			40.000	40.000		5.000	16.000	14.000	5.000		
a	<i>Cơ sở vật chất kỹ thuật</i>			<i>18.000</i>	<i>18.000</i>	-	<i>3.000</i>	<i>8.000</i>	<i>6.000</i>	<i>1.000</i>	Nguồn vốn NSĐP	
b	<i>Đầu tư kho bãi</i>			<i>22.000</i>	<i>22.000</i>	-	<i>2.000</i>	<i>8.000</i>	<i>8.000</i>	<i>4.000</i>	XHH	

KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: *190a/*QĐ-UBND ngày *30* /12/2016 của UBND tỉnh Lai Châu)



	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện	Ghi chú
	Quy hoạch chi tiết khu đầu mối mở rộng (35 ha) thuộc xã Huổi	Ban QL Khu KTCK Ma Lò Thàng	Quý I/2017	
2	Đề án mở rộng Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lò Thàng	Ban QL Khu KTCK Ma Lò Thàng	2017-2019	
3	Quy hoạch chi tiết cửa khẩu U Ma Tu Khoòng và các khu (điểm) chợ biên giới	Ban QL Khu KTCK Ma Lò Thàng	2017	
4	Mở cửa khẩu phụ U Ma Tu Khoòng thành cặp cửa khẩu song phương	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lai Châu	2017	
5	Mở và các khu (điểm) chợ biên giới, lối mở có đường giao thông thuận tiện	Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Lai Châu	2018	
6	Rà soát, chỉnh sửa bổ sung chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	2017	
7	Xây dựng cơ chế, chính sách phát triển thương mại và xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh	Sở Công Thương	2017	
8	Rà soát các mức phí, lệ phí, chi phí liên quan đến hoạt động xuất, nhập khẩu	Sở Tài chính	Hàng năm	
9	Rà soát, kiện toàn Ban Quản lý khu kinh tế cửa khẩu Ma Lò Thàng; triển khai công tác cải cách thủ tục hành chính.	Sở Nội vụ	2017	